

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	779.382.622	1.138.675.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.063.972.720	991.616.250
Cộng	1.843.355.342	2.130.291.674

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu	9.427.200.000	(7.535.100.000)	9.427.200.000	(5.857.200.000)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sứ Pán 2	5.857.200.000	(5.857.200.000)	5.857.200.000	(5.857.200.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc ^(*)	3.570.000.000	(1.677.900.000)	3.570.000.000	
Cộng	9.427.200.000	(7.535.100.000)	9.427.200.000	(5.857.200.000)

^(*) Theo Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc với mức giá không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Ngày 18 tháng 8 năm 2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đã giao dịch trên thị trường Upcom với giá tham chiếu là 5.300 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(5.857.200.000)	(5.857.200.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.677.900.000)	
Số cuối kỳ	(7.535.100.000)	(5.857.200.000)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	103.537.383.018	(14.552.424.093)	112.872.172.826	(11.042.108.510)
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	40.535.511.018	(560.151.555)	40.385.040.519	(475.752.392)
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	53.146.432.000	(4.027.386.798)	62.487.132.307	(1.480.569.437)
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.000.000.000	(4.964.885.740)	5.000.000.000	(4.085.786.681)
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(iv)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000		50.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 - khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên	50.000.000		50.000.000	
Cộng	103.731.943.018	(14.552.424.093)	112.872.172.826	(11.042.108.510)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 4900262326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 9 năm 2009, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 150.470.499 VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã đầu tư 40.535.511.018 VND, tương đương 69,42% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 12.104.488.982 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100199853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 11 năm 2012, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 35.160.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 1.855.041.000 VND. Theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Someco Hà Giang, phần góp vốn bằng khối lượng là 10.723.463.681 VND chuyển sang công nợ phải thu và phần góp vốn số tiền 472.277.626 VND chuyển sang công nợ cho vay. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã đầu tư 53.146.432.000 VND, tương đương 90,92% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã đầu tư đủ theo cam kết.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã đầu tư đủ theo cam kết.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Giang và Công ty Cổ phần Someco Hà Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nậm Ly 1, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.042.108.510	8.977.387.222
Trích lập dự phòng bổ sung	3.510.315.583	1.689.371.670
Số cuối kỳ	14.552.424.093	10.666.758.892

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1		
Góp vốn vào Công ty con	150.470.499	118.054.092
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang		
Doanh thu xây lắp cung cấp cho Công ty con	2.643.172.448	7.468.319.266
Góp vốn vào Công ty con	1.855.041.000	5.925.610.000
Công ty con trả vốn vay lưu động		182.707.000
Chuyển vốn góp sang vốn vay	616.837.626	
Chuyển vốn góp thành công nợ	10.723.463.681	
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco		
Doanh thu xây lắp Công ty con thực hiện	341.937.622	1.337.606.173
Phí dịch vụ thu của Công ty con	16.772.953	55.200.489
Lãi vay phải thu công ty con	102.753.702	
Cho Công ty con vay vốn lưu động		226.830.667
Công ty con trả vốn vay lưu động	1.366.000.000	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco		
Doanh thu xây lắp Công ty con thực hiện		22.029.781.058
Công ty con thanh toán vốn lưu động	38.585.788.989	5.386.220.426
Cho Công ty con vay vốn lưu động	36.137.522.949	2.117.899.878

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí dịch vụ thu của Công ty con		266.308.429
Lãi vay phải thu Công ty con	240.448.205	
Bán vật tư cho Công ty con		1.487.992.840
Thanh toán tiền khối lượng xây lắp cho Công ty con	9.128.912.757	
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	278.636.204.480	226.436.615.531
Tổng Công ty Sông Đà	257.743.944.417	216.543.801.889
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần thủy điện Hương Sơn	149.815.528	149.815.528
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	2.436.491.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	150.608.853	150.608.853
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	6.182.844
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	16.386.693	16.386.693
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	728.537.565
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.190.032.025	1.190.032.025
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	16.658.004.414	3.291.368.285
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	1.641.215.795	1.641.215.795
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	136.749.928.766	167.339.943.851
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên)	55.472.884.465	55.472.884.465
Các khách hàng khác	81.277.044.301	111.867.059.386
Cộng	415.386.133.246	393.776.559.382
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	8.169.432.978	7.114.343.357
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	5.163.981.036	4.671.450.024
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	3.005.451.942	2.442.893.333
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	11.144.131.981	15.702.618.107
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	5.608.037.474	5.575.741.474
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh		3.346.800.000
Các nhà cung cấp khác	5.536.094.507	6.780.076.633
Cộng	19.313.564.959	22.816.961.464

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	6.541.763.220	8.683.638.807
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn thiết kế Someco	1.512.289.228	2.054.071.175
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	4.253.303.908	6.470.235.174
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	472.277.626	
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	8.897.203.220	11.183.638.807

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	22.817.911.777		22.784.272.400	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco – thiết bị vật tư công trình nhà máy điện Ninh Thuận	22.312.000.000		22.312.000.000	
Ông Nguyễn Đức Doanh - Phó Tổng Giám đốc	472.272.400		472.272.400	
Ông Phạm Văn Thường - Phó Tổng Giám đốc	20.000.000			
Ông Trần Thanh Sơn - Tổng Giám đốc	4.780.000			
Ông Phạm Đức Trọng - Chủ tịch HĐQT	4.540.246			
Ông Phạm Văn Thường - Phó Tổng Giám đốc	20.178.732			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	38.816.942.306	(6.143.301.295)	35.867.720.028	(3.547.283.881)
Tạm ứng	15.139.542.274		13.951.249.024	
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	11.028.601.792		9.360.099.090	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc – Thu lãi vay	6.143.301.295	(6.143.301.295)	6.143.301.295	(3.547.283.881)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.491.857.568		6.413.070.619	
Cộng	61.621.214.706	(6.143.301.295)	58.651.992.428	(3.547.283.881)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc – Phải thu lãi cho vay	6.143.301.295		6.143.301.295	2.596.017.414
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	1.165.591.540			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	133.308.325			
Cộng	7.442.201.160		6.143.301.295	2.596.017.414

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.547.283.881	3.547.283.881
Trích lập dự phòng bổ sung	3.894.917.279	
Số cuối kỳ	7.442.201.160	3.547.283.881

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường			1.503.035.650	
Nguyên liệu, vật liệu	13.679.190.552		14.086.517.664	
Công cụ, dụng cụ	277.589.556		295.927.243	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	186.256.225.627		183.967.947.089	
Cộng	200.213.005.735		199.853.427.646	

9. Chi phí trả trước dài hạn

Là tiền thuê đất trả trước còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.693.763.929	63.755.859.720	27.630.908.150	2.123.465.925	111.203.997.724
Mua sắm mới		255.000.000		170.000.000	425.000.000
Phân loại lại	(356.799.566)		356.799.566		
Số cuối kỳ	17.336.964.363	64.010.859.720	27.987.707.716	2.293.465.925	111.628.997.724
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.949.303.493	18.637.327.648	25.975.895.716	1.862.304.925	51.424.831.782
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.026.772.496	58.114.914.892	26.603.567.207	1.997.677.943	98.742.932.538
Khấu hao trong kỳ	708.025.578	2.237.245.757	189.312.762	24.822.567	3.159.406.664
Phân loại lại	(356.799.566)		356.799.566		
Số cuối kỳ	12.377.998.508	60.352.160.649	27.149.679.535	2.022.500.510	101.902.339.202
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	5.666.991.433	5.640.944.828	1.027.340.943	125.787.982	12.461.065.186
Số cuối kỳ	4.958.965.855	3.658.699.071	838.028.181	270.965.415	9.726.658.522
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.904.284.625 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Mua trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong kỳ			
Số cuối kỳ		500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	1.620.000.000		1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000		1.620.000.000

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	305.000.000	170.000.000	(425.000.000)	50.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	736.992.174			736.992.174
Cộng	1.041.992.174	170.000.000	(425.000.000)	786.992.174

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	38.028.143.444	49.406.656.001
Tổng Công ty Sông Đà	897.389.668	2.131.351.259
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	7.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	716.467.110	716.467.110
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	13.796.385	30.370.264
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	17.524.160	568.951.682
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	16.850.596.222	16.459.496.328
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	282.331.168	270.145.204
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	988.193.141	1.748.440.524
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	18.134.845.590	27.354.433.630
Phải trả các nhà cung cấp khác	113.218.246.990	123.843.343.184
Công ty Cổ phần Nhật Nam	13.071.877.951	13.071.877.951
Các nhà cung cấp khác	82.415.830.036	92.864.024.723
Cộng	133.515.851.431	155.342.558.675

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	92.824.705.864	86.090.031.110
Tổng Công ty Sông Đà	75.387.179.529	69.284.170.520
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	631.665.745	
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	11.336.239.528	11.336.239.528
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	5.572.342.563	7.350.709.623
Cộng	98.397.048.427	93.440.740.733

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	43.761.499.533	5.423.193.574	(3.485.448.857)	45.699.244.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.032.588.266	1.605.937.207		7.638.525.473
Thuế thu nhập cá nhân	1.227.317.191	72.419.468	(38.645.510)	1.261.091.149
Tiền thuế đất	4.156.126.436	419.165.208		4.575.291.644
Các loại thuế khác		5.000.000	(5.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	772.435.208	3.291.738.123	(22.705.128)	4.041.468.203
Cộng	55.949.966.634	10.817.453.580	(3.551.799.495)	63.215.620.719

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp tại Lào	0%
Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5-10%
Bán vật tư, thiết bị	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.044.238.796	1.220.931.865
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.646.869.669	1.357.363.289
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.646.869.669	1.357.363.289
Chi phí hóa đơn chứng từ không hợp lệ	1.081.169.250	
Thuế bị phạt, bị truy thu	697.030.883	575.778.047
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	868.669.536	765.985.242
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành		15.600.000
Thu nhập tính thuế	4.691.108.465	2.578.295.154
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	938.221.693	515.659.031
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	667.715.514	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.605.937.207	515.659.031

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.448.881.458</i>	<i>4.141.841.384</i>
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí lãi vay phải trả	113.934.336	606.017.977
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	2.334.947.122	3.535.823.407
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>65.422.427.061</i>	<i>42.879.297.670</i>
Chi phí lãi vay phải trả	1.633.910.257	273.463.440
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - tiền thi công	7.867.903.676	7.753.804.808
Chi phí phải trả mua thiết bị công trình Sanxay – Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	31.910.096.898	
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	12.870.380.000	22.312.000.000
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	9.509.316.872	6.964.639.979
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.630.819.358	5.575.389.443
Cộng	<u>67.871.308.519</u>	<u>47.021.139.054</u>

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>18.641.140.801</i>	<i>19.270.919.540</i>
Tổng Công ty Sông Đà	18.483.731.379	19.113.510.118
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	152.909.422	152.909.422
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>31.626.171.459</i>	<i>33.170.195.220</i>
Kinh phí công đoàn	945.776.136	859.524.407
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	22.726.595.461	19.830.138.996
Cổ tức phải trả	2.604.840.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.348.959.702	9.875.691.657
Cộng	<u>50.267.312.260</u>	<u>52.441.114.760</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>21.000.000.000</i>	<i>23.662.061.801</i>
Tổng Công ty Sông Đà	21.000.000.000	23.662.061.801
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức cá nhân khác</i>	<i>225.517.932.618</i>	<i>223.190.863.069</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	225.117.932.618	217.570.863.069
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình ⁽ⁱ⁾	187.119.518.602	179.583.970.006
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	37.998.414.016	37.986.893.063
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	400.000.000	5.620.000.000
Cộng	246.517.932.618	246.852.924.870

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 04/2016/645305/HĐTD ngày 05 tháng 08 năm 2016, mục đích để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 9,5%/năm, thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.2b)

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260-LAV-20170093 ngày 04 tháng 5 năm 2017, mục đích vay vốn để bổ sung nhu cầu vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2017 với lãi suất hiện tại là 9,5%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn bên liên quan - Tổng Công ty Sông Đà	23.662.061.801			(2.662.061.801)	21.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	217.570.863.069	103.696.495.103	(96.149.425.554)		225.117.932.618
Vay cá nhân khác	5.620.000.000		(5.220.000.000)		400.000.000
Cộng	246.852.924.870	103.696.495.103	(101.369.425.554)	(2.662.061.801)	246.517.932.618

(*) Giảm khác là khoản gán trừ tiền khối lượng công trình Xekaman 1.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	565.588.999	46.766.368	(74.200.000)	538.155.367
Quỹ phúc lợi	1.590.847.994	46.766.368		1.637.614.362
Cộng	2.156.436.993	93.532.736	(74.200.000)	2.175.769.729

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước					
Số đầu năm trước	77.350.000.000	11.927.177.227	42.056.716.460	18.584.437.306	149.918.330.993
Lợi nhuận kỳ trước				705.272.834	705.272.834
Số dư cuối kỳ trước	77.350.000.000	11.927.177.227	42.056.716.460	19.289.710.140	150.623.603.827
Kỳ này					
Số đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.092.739.042	13.273.527.045	150.829.643.314
Lợi nhuận trong kỳ này				438.301.589	438.301.589
Trích lập các quỹ			140.299.106	(233.831.842)	(93.532.736)
Số dư cuối kỳ này	83.536.200.000	11.927.177.227	42.233.038.148	13.477.996.792	151.174.412.167

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.556.000.000	38.556.000.000
Vốn góp của các cổ đông	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	95.463.377.227	95.463.377.227

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 140.299.106
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 93.532.738

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền gửi ngân hàng bao gồm 1.535,20 USD (số đầu năm là 2.577,6 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.800.000	
Doanh thu hợp đồng xây dựng	90.355.165.571	157.646.788.864
Doanh thu cho thuê tài sản	90.000.000	
Doanh thu khác	154.655.203	1.825.336.638
Cộng	90.616.620.774	159.472.125.502

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp	72.252.011.006	27.538.712.725
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	137.882.250	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Doanh thu xây lắp		5.318.735.321

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.376.000	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	62.618.620.843	139.418.594.926
Giá vốn cho thuê tài sản	90.000.000	
Giá vốn khác	124.094.025	1.487.992.840
Cộng	62.849.090.868	140.906.587.766

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.339.170	24.270.223
Lãi tiền cho vay	343.201.907	1.693.026.828
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.249.970	
Cộng	362.791.047	1.717.297.051

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.653.054.681	10.265.462.348
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.188.215.583	1.689.371.670
Cộng	16.841.270.264	11.954.834.018

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.953.926.915	5.837.232.659
Chi phí vật liệu quản lý	326.236.565	357.205.072
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.081.057	141.481.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.585.067	129.393.678
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	3.894.917.279	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.415.990.677	1.431.129.219
Các chi phí khác	1.311.687.306	2.171.417.147
Cộng	12.103.424.866	10.072.859.328

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		262.272.727
Các khoản thuế được hoàn		697.663.917
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		3.347.622.415
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình	3.025.724.603	
Hoàn nhập chi phí trích trước lãi vay và phụ phí	1.387.842.655	
Hoàn trả tiền chi phí đào tạo khi chấm dứt hợp đồng	10.746.134	
Cộng	4.424.313.392	4.307.559.059

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	868.669.536	765.985.242
Thuế bị phạt, bị truy thu	697.030.883	575.778.047
Chi phí khác		5.346
Cộng	1.565.700.419	1.341.768.635

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.261.990.347	46.548.181.754
Chi phí nhân công	14.956.733.972	37.184.951.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.159.406.664	3.816.866.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.236.307.116	60.043.555.549
Chi phí khác	5.626.356.173	7.101.072.744
Cộng	77.240.794.272	154.694.627.372

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển vốn góp vào công ty con thành công nợ phải thu	10.723.463.681	
Chuyển vốn góp vào công ty con thành khoản cho vay	616.837.626	
Gán trừ tiền khối lượng Xekaman 1 sang trả nợ gốc vay	2.662.061.801	

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về tạm ứng cho các thành viên Ban điều hành với số tiền là 20.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 65.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	476.393.785	617.735.223
Thù lao HĐQT	103.520.455	
Cộng	579.914.240	617.735.223

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng Công ty	808.512.886	1.044.359.771
Phí dịch vụ phải trả	207.617.548	207.617.548
Chi phí xây lắp phải trả Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1		2.072.617.448
Phí thầu phụ công trình Xi măng Hạ Long		896.248.340
Phụ phí phải nộp		1.516.774.743
Đổi trừ tiền khối lượng sang trả gốc vay	2.662.061.801	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Mua vật tư	372.041.838	26.491.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Chi phí ca máy		167.943.029
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Nhận tạm ứng tiền Công trình thủy điện pake	631.665.745	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		
Thanh toán tiền khối lượng xây lắp hoàn thành	500.000.000	7.323.057.856
Phải trả về khối lượng xây lắp	832.601.891	2.767.596.672

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá hợp đồng ký với chủ đầu tư cộng thêm 7% phụ phí. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Ông Phạm Đức Trọng dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 848.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản cố định là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6a, V.13, V.14, V.16 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh rủi ro vì tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	90.355.165.571	261.455.203		90.616.620.774
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	22.215.822.863	5.569.111.859	(27.784.934.722)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.570.988.434	5.830.567.062	(27.784.934.722)	90.616.620.774
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	49.952.367.591	5.600.097.037	(27.784.934.722)	27.767.529.906
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.103.424.866)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				15.664.105.040
Doanh thu hoạt động tài chính				362.791.047
Chi phí tài chính				(16.841.270.264)
Thu nhập khác				4.424.313.392
Chi phí khác				(1.565.700.419)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.605.937.207)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				438.301.589
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	425.000.000			425.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.372.378.910			3.372.378.910
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	157.646.788.864	1.825.336.638		159.472.125.502
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	46.843.983.822	28.415.423.693	(75.259.407.515)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	204.490.772.686	30.240.760.331	(75.259.407.515)	159.472.125.502

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.228.193.938	337.343.798		18.565.537.736
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.072.859.328)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.492.678.408
Doanh thu hoạt động tài chính				1.717.297.051
Chi phí tài chính				(11.954.834.018)
Thu nhập khác				4.307.559.059
Chi phí khác				(1.341.768.635)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(515.659.031)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				705.272.834
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	506.000.000			506.000.000
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	3.939.838.281			3.939.838.281

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	729.156.991.407			729.156.991.407
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				91.071.618.925
Tổng tài sản				820.228.610.332
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	666.878.428.436			666.878.428.436
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.175.769.729
Tổng nợ phải trả				669.054.198.165
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	717.295.010.233			717.295.010.233
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				105.780.160.000
Tổng tài sản				822.745.074.549
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	669.879.335.187			669.879.335.187
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.156.436.993
Tổng nợ phải trả				671.915.431.235



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	68.244.077.516	116.942.741.754
Khu vực ngoài nước	22.372.543.258	42.529.383.748
Cộng	90.616.620.774	159.472.125.502

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên

Trần Thanh Sơn



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CT CP CK - LM SÔNG ĐÀ Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 218/CT/TCKT

(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán BCTC 6 tháng năm 2017 Công ty mẹ)

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư 52/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Cơ khí – Lắp máy Sông Đà xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 sau kiểm toán và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 đơn vị tự lập như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đ)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế đơn vị lập	335.793.358	
2	Lợi nhuận sau thuế kiểm toán lập	438.301.589	
3	Chênh lệch (2-1)	(102.508.231)	
4	Nguyên nhân chênh lệch		
-	Điều chỉnh giảm chi phí	(3.857.203.985)	
-	Điều chỉnh tăng chi phí tài chính	4.434.009.867	
-	Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.432.917.279	
-	Điều chỉnh tăng thu nhập khác	(4.413.567.258)	
-	Điều chỉnh tăng chi phí khác	297.535.548	
-	Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp	3.800.318	

Chúng tôi cam kết những giải trình trên là hoàn toàn trung thực và chính xác

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty
- Lưu TCKT; TCHC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP CK - LM SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 243...CT/TCKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

(V/v Giải trình chênh lệch LNST tổng hợp
6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016)

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP CK - LM Sông Đà, mã chứng khoán MEC, xin báo cáo chênh lệch lợi
nhuận sau thuế tổng hợp 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016:

ĐVT: Nghìn, đồng

TT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch	Biến động
1	Doanh thu	90.616.620	159.472.125	-68.855.505	-43,17%
2	LN sau thuế	438.301	705.272	-266.971	-37,85%

Nguyên nhân chênh lệch:

- Về doanh thu: giảm 68,8 tỷ đồng tương đương giảm 43,17% so với cùng kỳ năm 2016, do công tác nghiệm thu và quyết toán một số công trình chưa hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2017.
- Về lợi nhuận: giảm 266 triệu đồng tương đương giảm 37,85% so với cùng kỳ năm 2016, do doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty
- Lưu TCKT; TCHC.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN

**T/L TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Dàm Trung Kiên